

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 9. HÀNH TRANG CUỘC SỐNG (11 tiết)+ 4 tiết (Ôn tập , kiểm tra, trả bài)

Tiết 91,92.

VĂN BẢN 1 : *VỀ CHÍNH CHÚNG TA*

Các –lô Rô-ve-li

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Mục đích, quan điểm của người viết.
- Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.
- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.

2. Năng lực

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.
- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ: sử dụng trong dạy đọc, viết.
- Phiếu hướng dẫn đọc, phiếu viết, phiếu nói và nghe, bảng tự đánh giá và đánh giá sau khi đọc.
- Clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – cơn Giắc – sơn ở phần Khởi động

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Ngữ văn 10

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)

a. Mục tiêu:

Huy động, kích hoạt kiến thức đã học trước đó và trải nghiệm của HS có liên quan đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

b. Nội dung

- HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – con Giắc – son để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

- HS chia sẻ ý kiến về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên;* và chia sẻ về vấn đề mối quan hệ của con người với tự nhiên.

c. Sản phẩm

Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – con Giắc – son để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được gợi nên từ bài hát.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (theo bàn), rút ra quan điểm của tác giả Mai – con Giắc – son về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên và chia sẻ ngắn gọn ý kiến của mình về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên.*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và thảo luận nhóm bàn để chia sẻ suy nghĩ của mình.

- GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu có).

B3: Báo cáo thảo luận

- GV gọi 3,4 học sinh thuộc nhóm bất kì chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.

HS ghi lại các ý kiến thảo luận của các nhóm khác vào phiếu ghi chép và nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét phần thảo luận, chia sẻ của HS, ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng những ý tưởng khác biệt.

- GV có thể giới thiệu thêm một số quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên như quan niệm của Thiên chúa giáo, Phật giáo, quan điểm của Darwin trong thuyết tiến hóa... (tham khảo các thông tin trong sách giáo viên).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (55 phút)

Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

* Năng lực đặc thù

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

– Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

– Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.

– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

* Năng lực chung

– Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.

- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.

- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

*** Phẩm chất**

- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung

- HS thực hiện yêu cầu của GV
- HS sử dụng SGK, hoàn thành Phiếu học tập

c. Sản phẩm

Câu trả lời của HS, phiếu học tập số 1 của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu. - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản. <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận 	<p>I. Đọc hiểu khái quát</p> <p>1. Đọc, xác định bố cục của văn bản</p> <p>* Đọc, giải thích từ khó (tham khảo phần chú thích trong sách giáo khoa)</p> <p>* Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 (đoạn 1,2) (từ đầu đến <i>chúng ta cũng là một phần của thế giới ấy</i>): trình bày quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới. - Phần 2 (đoạn 3-9) (từ <i>Chúng ta</i>, con người đến <i>ngay chính linh hồn của chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ</i>): trình bày các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình. - Phần 3 (đoạn 10-13) (từ <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> đến hết): kết luận. <p>* Thể loại: Văn nghị luận</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn 1,2 – sgk và trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo em, tác giả nêu hàng loạt câu hỏi ở đoạn 1 có dụng ý gì ? - Câu văn nào trong đoạn 2 thể hiện quan điểm của tác giả? - Nhận xét về cách đặt vấn đề của tác giả? <p>GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (nhóm năm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn) trình bày kết quả ra bảng phụ.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm. <p>B3: Báo cáo thảo luận</p>	<p>II. Đọc – hiểu chi tiết</p> <p>1. Phần 1 (đoạn 1,2): Quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt: Tác giả nêu một loạt câu hỏi về vị trí, vai trò của chúng ta trong thế giới vô tận, sinh động. - Nêu quan điểm: “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học, và chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy.” => Cách đặt vấn đề gợi sự tò mò, kích thích suy nghĩ của tác giả, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. => Tác giả nêu quan điểm rõ ràng, ngắn gọn. Đó là quan điểm của một nhà khoa học.

<p>- GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học</p>	
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS sử dụng phiếu học tập số 1</p> <p>- Chia lớp 4 nhóm, GV yêu cầu các nhóm đọc đoạn 3 - 9 (sgk), tiến hành trao đổi, thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. Yêu cầu HS sử dụng bảng phụ để ghi kết quả thảo luận của mỗi nhóm.</p> <p>- GV yêu cầu 4 HS quan sát quá trình làm việc của các nhóm sau đó dùng Phiếu học tập số 3 Rubrics đánh giá hoạt động nhóm để đánh giá việc làm của mỗi nhóm.</p> <p>Câu hỏi 1: <i>Xác định các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình.</i></p> <p>(Gợi ý: Hs đọc kĩ các đoạn văn và xác định câu chủ đề của mỗi đoạn. Từ đó xác định các luận điểm chính của tác giả được thể hiện trong văn bản.)</p> <p>Câu hỏi 2: <i>Để làm sáng tỏ các luận điểm chính, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào? Những thông tin khoa học trong văn bản có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính.</i></p> <p>(Gợi ý: Hs xác định lí lẽ, bằng chứng theo từng luận điểm. Chú ý:</p> <p>+ Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao?</p> <p>+ Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?)</p> <p>Câu hỏi 3: <i>Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản</i></p> <p>Câu hỏi 4: <i>Tác giả đã trình bày quan điểm về mối quan hệ về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn nào, với một thái độ như thế nào?</i></p>	<p>b. Phần 2: Các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình.</p> <p>- Đoạn 3: “<i>Chúng ta</i>”, <i>con người, trước hết là những chủ thể biết quan sát thế giới này; những nhà sáng lập tập thể của bức tranh về thực tại mà tôi đã cố gắng mô tả lại</i>”.</p> <p>- Đoạn 4: “<i>Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải người quan sát đứng ngoài cuộc</i>”</p> <p>- Đoạn 5: <i>Khi hiểu biết tăng lên, chúng ta đã biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và là phần rất nhỏ bé trong đó.</i></p> <p>- Đoạn 7: “<i>Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới</i>”</p> <p>- Đoạn 9: “<i>Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng mang tính hiện thực không kém vì là một phần của tự nhiên, vì được chia sẻ với thế giới động vật, hay vì được quyết định bởi sự tiến hoá mà loài chúng ta đã trải qua suốt hàng triệu năm</i>”.</p> <p>=> Các luận điểm chính:</p> <p>1-Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ</p> <p>2-Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới</p> <p>3-Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.</p> <p>* Luận điểm 1: Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ</p> <p>- Lí lẽ:</p> <p>+ <i>Chúng ta là các nút trong một mạng lưới...</i></p> <p>+ <i>Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử... các thiên hà</i></p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>+<i>Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử</i>”,</p> <p>+ <i>Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn các động vật và</i></p>

(Gợi ý:

+ Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ thông tin này với những thông tin được trình bày trong văn bản.

+ Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc của các bằng chứng, lí lẽ đó.

+ Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng “tôi” trong văn bản, chú ý đến những thông tin như: “ Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập

B3: Báo cáo thảo luận

- HS treo bảng phụ ghi kết quả hoạt động nhóm. GV gọi đại diện 1 nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

HS sử dụng phiếu học tập số 3 Rubric để đánh giá HS hoạt động nhóm.

B4: Kết luận, nhận định

GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học

thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta.

- Biện pháp tu từ:

+ *Chúng ta từng tin rằng mình... hoá ra không phải vậy. Chúng ta nghĩ rằng mình... rồi phát hiện ra rằng... Chúng ta... Chúng ta...*

Cách nói khẳng định để rồi phủ định, kết hợp với biện pháp điệp ngữ “*chúng ta*” nhấn mạnh đối tượng vấn đề là con người, làm rõ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, tạo nên giọng điệu mạnh mẽ, thể hiện niềm tin chắc chắn của tác giả vào quan điểm của mình.

+ *Chúng ta giống như đứa trẻ, khi lớn lên nhận ra rằng thế giới không chỉ vển vển là những gì ở quanh mình như nó tưởng khi còn bé;...*

Biện pháp so sánh có tác dụng:

Tạo cho lời văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, không khô khan mà uyển chuyển, bay bổng, giàu sức biểu cảm.

Gợi hình, gợi cảm, hình dung sự hiểu biết của con người về vũ trụ giống như hiểu biết của đứa trẻ về thế giới xung quanh nó khi còn bé

*** Luận điểm 2: Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới**

- Lí lẽ:

+ *Mọi vật đều không ngừng tương tác với nhau, và khi làm thế, mỗi người trong chúng ta đều mang theo cái dấu vết của cái mà ta đã tương tác và theo nghĩa ấy, mọi vật không ngừng trao đổi thông tin về nhau*

+ *Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích lũy, trao đổi và không ngừng được xây dựng kĩ lưỡng.*

- Bằng chứng: *Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời, một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta... tích lũy từ trải nghiệm của tôi.*

=> Lí lẽ, dẫn chứng được đưa ra là những tri thức triết học, khoa học tự nhiên hiện đại dựa trên nền tảng của học thuyết tiến hoá, thiên văn học, di truyền học. Đó là những tri thức khách quan, được kiểm chứng bởi các nhà khoa học có uy tín, đã được chứng minh bằng khoa học hiện đại nên chúng rất đáng tin cậy, từ đó góp phần làm sáng tỏ, tăng sức thuyết phục cho luận điểm chính.

- Yếu tố miêu tả và biện pháp tu từ: nhờ sử dụng biện pháp miêu tả tạo nên diễn đạt giàu hình ảnh; sử dụng biện pháp liệt kê một loạt dẫn chứng phong phú để tăng sức thuyết phục cho luận điểm.

	<p>* Luận điểm 3: Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.</p> <p>- Lí lẽ, dẫn chứng: <i>Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp...</i></p> <p>- Biện pháp liệt kê, điệp ngữ: “<i>Thực tại của chúng ta</i>” giúp lí lẽ, dẫn chứng phong phú, chính xác, giọng văn mạnh mẽ, thuyết phục.</p> <p>* Nhận xét chung:</p> <p>- Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục làm rõ quan điểm (luận đề).</p> <p>- Ngôn ngữ: các biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp cho người đọc hình dung rõ hơn về các yếu tố được nêu trong đoạn văn; giúp văn bản nghị luận trở nên uyển chuyển, xúc động, sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.</p> <p>* Góc nhìn, thái độ của tác giả khi trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa con người và thực tại:</p> <p>- Tác giả là một nhà vật lí học thiên văn -> tác giả thể hiện quan điểm về thế giới với tu cách một nhà khoa học, góc nhìn khoa học => vấn đề được nhìn nhận khách quan, chân thực, thuyết phục</p> <p>- Tác giả còn là một nhà triết học -> tác giả thể hiện sự suy tư, cắt nghĩa về bản chất của thực tại, về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn triết học => từ đó giúp ông nhận rõ sự nhỏ bé của con người trước sự lớn lao, kì vĩ và vẻ đẹp tuyệt đối của thực tại.</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn, HS thảo luận nhóm:</p> <p>- Đoạn 10-13 đã kết thúc vấn đề nghị luận như thế nào?</p> <p>- Câu hỏi 5: <i>Tác giả nghĩ gì về khả năng nhận thức thế giới của con người?</i></p> <p>- <i>Biện pháp nghệ thuật và tác dụng của chúng?</i></p> <p>- Câu hỏi 6: “<i>Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình</i>”. <i>Bạn nghĩ gì về nhận định của tác giả?</i></p> <p>Gợi ý:</p> <p>+ Tại sao bạn lại nghĩ như vậy?</p> <p>+ Lí lẽ, dẫn chứng của bạn là gì?</p>	<p>c. Phần 3 (đoạn 10-13) (từ <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta đến hết</i>): kết luận</p> <p>- Tác giả khẳng định và nâng cao vấn đề: <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình</i></p> <p>=> Biện pháp so sánh => nhấn mạnh lại mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ giữa con người và tự nhiên, kết luận nâng cao quan điểm chính: <i>Chúng ta là một phần của tự nhiên. Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> -> đó là quan điểm đúng đắn.</p> <p>- Tác giả trình bày quan điểm của tác giả về khả năng nhận thức thế giới của con người: + <i>Ai mà biết rằng còn tồn tại bao nhiêu những điều phức tạp phi thường gì khác, dưới các dạng thức mà có lẽ chúng ta không thể hình dung nổi, trong những</i></p>

<p>+ Liệu những lập luận của bạn có logic và thuyết phục hay không?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học</p>	<p><i>khoảng không vô tận của vũ trụ</i></p> <p>+ <i>Tri thức của chúng ta về thế giới không ngừng tăng lên</i></p> <p>+ <i>đại dương mênh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vàng hào quang của sự huyền bí</i></p> <p>-> Biện pháp ẩn dụ => nhấn mạnh những gì chúng ta biết là rất nhỏ bé.</p> <p>-> Yếu tố miêu tả giúp người đọc hình dung được vẻ đẹp kì diệu của thế giới mà ta đang sống</p> <p>-> Yếu tố biểu cảm giúp bộc lộ tình yêu, sự ngưỡng mộ của tác giả đối với sự kì diệu của thực tại.</p> <p>=> Quan điểm của tác giả: thế giới mà chúng ta đang sống là mênh mông, vô hạn; những gì mà chúng ta khám phá ra là hữu hạn. Còn rất nhiều điều mà chúng ta vẫn chưa tìm hiểu hết. Nhưng trí tò mò của con người là vô hạn, vì thế, tri thức của ta không ngừng tăng lên.</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản bằng câu hỏi:</p> <p>+ Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào?</p> <p>+ Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản thông tin này?</p> <p>+ Đánh giá chung về tác giả.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận 2,3 HS trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, chốt lại kiến thức</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Văn bản đã trình bày quan điểm của tác giả về mối quan hệ chặt chẽ của con người với tự nhiên, vị trí của con người trong tự nhiên; chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người.</p> <p>+ Trong đó khoa học, triết học văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hoà, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới.</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục, yếu tố miêu tả biểu cảm kết hợp.</p> <p>+ Ngôn ngữ chính xác mà giàu hình ảnh, biểu cảm, hấp dẫn nhờ sử dụng linh hoạt, hiệu quả các biện pháp tu từ so sánh, điệp cấu trúc, liệt kê và các yếu tố miêu tả, biểu cảm.</p> <p>- Qua văn bản, tác giả thể hiện tư suy sắc bén của một nhà khoa học, nhà triết học.</p>
<p>Liên hệ và vận dụng thực tiễn</p> <p>- GV hướng dẫn HS rút ra những bài học, kinh nghiệm cho bản thân bằng cách viết tiếp các gợi ý</p>	<p>Tôi đã hiểu thêm về.....</p> <p>Thì ra sức hấp dẫn của văn bản thông tin là</p> <p>Đọc văn bản về chính chúng ta</p> <p>Thế giới tự nhiên trong tôi.....</p>

Hoạt động 3: Luyện tập (20 phút)

KẾT NỐI ĐỌC - VIẾT

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản
- Biết thuyết trình, nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình quan điểm của người nói; Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; Đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó trên tinh thần tôn trọng người đối thoại
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung

Viết đoạn văn

c. Sản phẩm

Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Đề bài: Nhận thức nào từ văn bản <i>Về chính chúng ta</i> mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này.</p> <p>* Trước khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV hướng dẫn HS tự đặt các câu hỏi để tìm hiểu yêu cầu của đề bài: Đề bài yêu cầu viết kiểu bài gì? Nội dung và phạm vi của bài viết như thế nào?- HS chia sẻ quan điểm của mình về câu hỏi: <i>Nhận thức nào từ văn bản “Về chính chúng ta” mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình</i>- GV hướng dẫn HS xác định mục đích của bài viết và người đọc bằng cách gợi ý: văn bản đặt ra rất nhiều vấn đề: mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, khả năng nhận thức của con người về thực tại và trả lời các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ Bài viết của em hướng tới vấn đề gì?+ Tại sao em muốn bình luận về vấn đề này?- GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài viết nhiều cách khác nhau. Ví dụ:<ul style="list-style-type: none">+ Em hãy viết tự do tất cả những ý tưởng nảy sinh trong đầu em về vấn đề hành trang muốn mang theo trong cuộc sống từ văn bản.+ Dự định các ví dụ để minh chứng, lấy từ đâu?+ Em hãy vẽ sơ đồ tư duy để tìm ý và phát triển ý.	<ul style="list-style-type: none">- Nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Giới thiệu vấn đề thông điệp hoặc bài học mà mình lĩnh hội được khi đọc văn bản <i>Về chính chúng ta</i>.+ Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp/ bài học ấy.+ Chọn lọc các lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình.- Hình thức:<ul style="list-style-type: none">+ 1 đoạn văn có độ dài khoảng 150 chữ+ Sử dụng các kiểu cấu trúc như diễn dịch, quy nạp, tổng hợp, song hành, móc xích để triển khai đoạn văn.+ Tác động đến cảm xúc bằng những từ ngữ mạnh mẽ miêu tả cảm xúc của người viết, khơi gợi ý thức, trách nhiệm của người đọc hay bằng những câu chuyện cảm động.+ Yêu cầu chính tả, ngữ pháp <p>3. Chỉnh sửa đoạn văn:</p> <p>Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không...</p>

+ Em có thể dùng bảng biểu để tìm ý và sắp xếp ý. Bảng biểu có thể như sau:

Vấn đề nghị luận:		
Luận điểm	Dẫn chứng	Đánh giá của em
1. Luận điểm 1		
2. Luận điểm 2...		

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý: GV hướng dẫn HS sắp xếp các ý theo một trật tự để tạo thành dàn bài phù hợp cho bài viết.

*** Viết đoạn văn:**

GV lưu ý cho HS khi viết đoạn văn nghị luận hay cần tác động đến cả lí trí và cảm xúc người đọc.

*** Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết:**

- GV Yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết của mình và HS chỉnh sửa bài cho nhau.

- Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không...

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân thực hiện viết đoạn văn, kết hợp nhóm đôi

B3: Báo cáo thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả viết bài; và nhận xét điều chỉnh sau khi viết bao gồm cả dàn ý và bài viết hoàn chỉnh.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS sử dụng phiếu học tập số 2 – Thang đo đánh giá phần thuyết trình tranh biện của HS và Phiếu học tập số 4 – Đánh giá viết đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.

Dựa trên phản hồi của các HS và câu hỏi hướng dẫn kiểm tra bài viết, GV đánh giá kết quả bài làm của HS và hướng dẫn HS những gì cần điều chỉnh, bổ sung.

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu:

HS vận dụng kĩ năng đọc văn bản nghị luận để đọc mở rộng các văn bản nghị luận khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

b. Nội dung

c. Sản phẩm

Phiếu học tập 3

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Tìm thêm các văn bản, tài liệu khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Chỉ ra quan điểm, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình
HS sử dụng Phiếu học tập số 5 và 6

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin mình thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học

B3: Báo cáo thảo luận

HS chia sẻ các tài liệu mà mình thu thập được cho các bạn trong lớp và nộp lại phiếu học tập cho GV (có thể trưng bày trong bảng tin lớp hoặc trên facebook, padlet...)

B4: Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN TRÊN LỚP

Câu hỏi	Hướng dẫn	Trả lời	
1	Tìm câu chủ đề của các đoạn văn; chú ý các đoạn 1,2,3,4,7,9 Tìm mối liên hệ giữa các câu chủ đề Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả		
2	Tìm các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính; chú ý các đoạn 6,7,8,9 Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm Đánh giá tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng Gợi ý: + Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao? + Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?		
3	Xác định và phân tích giá trị của các chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm và các biện pháp tu từ		
4	Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ với những thông tin được trình bày trong văn bản Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc, cơ sở của những bằng chứng, lí lẽ của tác giả Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng tôi, các từ ngữ thể hiện thái độ, đánh giá của “tôi” với các đối tượng được nhắc tới; chú ý đến những thông tin như: “ Trong		

	bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,...)		
5	Tìm các chi tiết cho thấy quan điểm của tác giả trong 4 đoạn cuối của văn bản Khái quát quan điểm của tác giả được ngầm biểu hiện qua những chi tiết vừa tìm được		
6	Giải thích từ ngữ thể hiện rõ quan điểm của người viết Đánh giá về tính khách quan, trung thực, tin cậy của nhận định Nêu quan điểm của mình Tìm các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh)				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điệu bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
RUBRICS ĐÁNH GIÁ HS HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
Tiêu chí	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng chỉ hiện những cô không liên qua

2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN (PHẦN LUYỆN TẬP)

Tiêu chí	Có	Không	Điểm
- Đảm bảo hình thức của đoạn văn nghị luận			1,0
- Đảm bảo dung lượng của bài luận (400 chữ).			
- Đảm bảo nội dung của đoạn văn nghị luận: + Xác định đúng vấn đề nghị luận + Có lí lẽ, bằng chứng để làm rõ vấn đề			3,0
- Đảm bảo yêu cầu về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp			0,5
- Sáng tạo			0,5

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5
PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

TÊN VĂN BẢN	TÊN TÁC GIẢ	QUAN ĐIỂM	LUẬN ĐIỂM	LÍ LẼ	BẰNG CHỨNG

--	--	--	--	--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6
PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1.	Đọc kỹ văn bản		
2.	Xác định luận đề		
3.	Xác định luận điểm chính (đánh dấu vào văn bản/ ghi chú ra giấy nháp)		
4.	Xác định lí lẽ, dẫn chứng		
5.	Xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ		

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Giúp HS:

- Biết vận dụng các tri thức đã học về thơ để chiếm lĩnh bài thơ của Rô-bốt Phờ-rót, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK.

- Qua việc tìm hiểu bài thơ, HS nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.

- Hiểu được ý nghĩa giáo dục của bài thơ: Cần lựa chọn giá trị nào làm hành trang cho cuộc sống của mình? Việc lựa chọn này đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình trưởng thành của mỗi cá nhân.

2. Năng lực: Giúp HS:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến một văn bản thơ nước ngoài mang ý nghĩa triết lý và giáo dục.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con đường không chọn*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất: Giúp HS:

- Trân trọng những tác phẩm văn học có giá trị giáo dục, nhân sinh lâu bền.

- Thấy được sự cần thiết của văn học đối với con người, vì từ đó, con người có thể rút ra nhiều nhận thức sâu sắc về ý nghĩa cuộc sống, biết nhìn lại mình, định vị bản thân và theo đuổi những giá trị xứng đáng.

- Sống có trách nhiệm với bản thân và những lựa chọn của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, phấn, máy chiếu

2. Học liệu: SGK, sách bài tập, phiếu học tập, tranh ảnh minh họa, bài làm của học sinh.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và sự chú ý cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Con đường không chọn*.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tham gia một trò chơi **MẢNH GHÉP**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và bức tranh được mở ra sau những mảnh ghép.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV thông qua luật chơi với HS:

- Một bức tranh bị che đi bởi 6 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép là một câu hỏi liên quan đến những nội dung bài học đã được yêu cầu chuẩn bị ở nhà.

- HS gờ tay sẽ được tùy chọn 1 mảnh ghép bất kỳ để trả lời (mỗi câu trả lời đúng, HS sẽ được nhận một bông hoa may mắn để cộng điểm cho bài kiểm tra thường xuyên sắp tới)

Câu 1: Rô-bốt Phờ-rót là nhà thơ hiện đại người nước nào?

A. Anh B. Mỹ C. Pháp D. Nga

Đáp án: B

Câu 2: Thành công trong sự nghiệp thơ ca của Rô-bốt Phờ-rót được ghi nhận bằng giải thưởng gì?

Đáp án: Giải thưởng Pu-lít-đơ

(Giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc... Rô-bốt Phờ-rót từng được 4 lần nhận giải)

Câu 3: Nhân vật trữ tình của bài thơ *Con đường không chọn* là ai? Trong hoàn cảnh nào?

Đáp án: Nhân vật trữ là “tôi” khi đứng trước một khu rừng với hai lối rẽ và không biết chọn lối nào để đi.

Câu 4: Điền những từ còn thiếu vào câu sau nói về thời điểm ra đời của bài thơ *Con đường không chọn*.

Bài thơ của Phờ-rót ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại mình từng từ bỏ.

Đáp án: lựa chọn – con đường

Câu 5: Bài thơ *Con đường không chọn* của Rô-bốt Phờ-rót được lấy cảm hứng từ thực tế cuộc sống nào của chính nhà thơ?

Đáp án: Những cuộc dạo chơi trong rừng cùng người bạn của ông – nhà thơ Ét-uốt Tô-mát-xơ

Câu 6: Hình ảnh trung tâm trong bài thơ *Con đường không chọn* là hình ảnh nào?

Đáp án: Hình ảnh con đường

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia trò chơi để mở dần những mảnh ghép của bức tranh của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời từng câu hỏi GV đưa ra.
- Mở được bức tranh



Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt.
- GV dẫn dắt vào bài: Bức tranh vừa được mở ra với 6 mảnh ghép là hình ảnh một khu rừng nhỏ với hai con đường mòn hướng về hai phía khác nhau. Trong thực tế cuộc sống, mỗi chúng ta chắc cũng sẽ có một lần đứng trước hoàn cảnh đó mà chúng ta chưa biết lựa chọn cho con đường nào để đi, để tiếp tục cuộc hành trình của mình. Và bài thơ *Con đường không chọn* của nhà thơ hiện đại người Mỹ Rô-bốt Phờ-rót là những trải nghiệm và triết lý có giá trị của con người trước những ngã rẽ như vậy.

HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm và vấn đề xã hội đặt ra từ bài thơ.

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích của văn bản.
- Sau văn bản này học sinh được thực hành đọc 1 số văn bản khác cùng chủ đề: đoạn trích trong “*Mãi mãi tuổi hai mươi*” (Nguyễn Văn Thạc), “*Bài ca ngắn đi trên bãi cát*” (Cao Bá Quát)...

b. Nội dung

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
- Kết quả trình bày của HS một số nét cơ bản về tác giả và bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>*Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu tác giả Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về tác giả Rô-bốt-phờ-rôt. ? Nêu hiểu biết về tác giả (vị trí, ảnh hưởng...)</p> <p>Bước 2. HS suy nghĩ Bước 3. HS trả lời miệng Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</p> <p>*Nhiệm vụ 2. Đọc văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những hình ảnh. - GV đọc mẫu một đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. - Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ -HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. -GV quan sát, khích lệ HS.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận -Tổ chức trao đổi -HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV- nhận xét cách đọc của HS.</p> <p>*Nhiệm vụ 3. GV hướng dẫn tìm hiểu chung Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p>	<p>1. Tác giả - (1874-1963) - Nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại. - Ông 4 lần được nhận giải thưởng Pu-lit-dơ – giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực báo chí, văn chương, âm nhạc...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK</p>

<p>(phiếu học tập) ? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? ? Tại sao tác giả lại đặt nhan đề là “<i>Con đường không chọn</i>” chứ không phải “<i>Con đường tôi chọn</i>” hay “<i>Con đường ít người đi</i>”? ? Nhan đề cho thấy tác giả đặt trọng tâm vào điều gì? ? Chia bố cục bài thơ như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận cặp đôi + GV quan sát, khích lệ HS.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức kĩ năng.</p>	<p>b. Tìm hiểu chung - Hoàn cảnh ra đời + Sáng tác năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông. + Bài thơ ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ. - Nhan đề “<i>Con đường không chọn</i>” + Làm rõ tâm lí phổ biến của con người: Thường nuối tiếc về những gì mình đã không chọn, vì phần lớn những lựa chọn thực tế đều có vẻ bất toàn, không dẫn đến điều mong đợi. + Tâm lí “<i>đứng núi này trông núi nọ</i>” khiến người ta không dốc lòng vào con đường mà mình đã chọn, cũng không đủ can đảm để làm lại, bỏ sang con đường có thể chọn nhưng cuối cùng đã không chọn. -Bố cục: 3 phần +Khổ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình +Khổ 2,3. Cách chọn đường của nhân vật trữ tình +Khổ 4. Tâm trạng của nhân vật trữ tình</p>
--	---

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của VB; nêu được ý nghĩa của VB đối với quan niệm sống của bản thân.
- Hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

* Nhiệm vụ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ - Đọc thâm khổ 1 của văn bản - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm (5 phút) ? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào? ? Em đã biết những bài thơ nào nói đến hình ảnh con đường? ? Con đường trong khổ thơ có điểm gì giống và khác so với con đường mà bài thơ khác nói đến? ? Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” trong khổ thơ ẩn dụ cho điều gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (phiếu học</p>	<p>1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình - Tình huống: + “<i>thân phận lữ hành</i>”, “<i>đứng mãi</i>” + “<i>chỉ có thể chọn một</i>” + “<i>nhìn theo một lối rẽ bên này</i>” => Nhân vật trữ tình đang đứng trước con đường có 2 lối rẽ, đang phải chọn một lối đi, đang băn khoăn không biết nên chọn lối đi nào. - Hình ảnh “<i>con đường</i>” và “<i>lối rẽ</i>” là ẩn dụ về đường đời, về những khúc ngoặt mà bất cứ ai cũng có lúc phải lựa chọn.</p>

<p>tập) -Tổ chức cho HS thảo luận nhóm (3 nhóm) Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp -GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. -HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Kết luận: GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung.</p>	
---	--

*** Nhiệm vụ 2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình**

a. Mục tiêu:

- Nhận biết những từ ngữ miêu tả hình ảnh con đường.
- Hiểu được bản khoăn, trăn trở của nhân vật trữ tình khi đứng trước 2 con đường, 2 lối rẽ và cuối cùng đã lựa chọn 1 con đường.
- Hiểu được thông điệp về sự lựa chọn con đường đối với bản thân mỗi con người.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, kĩ thuật mảnh ghép để tìm hiểu sự lựa chọn con đường cho mình của nhân vật trữ tình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ -HS đọc thầm khổ 2 và 3 của văn bản. - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (7 phút) ? Tìm từ ngữ miêu tả hình ảnh 02 lối rẽ trong khổ thơ. ? Hai lối rẽ ấy khác nhau hay giống nhau nhiều hơn? ? Vì sao nhân vật trữ tình cảm thấy khó khăn khi phải lựa chọn 1 trong 2 lối rẽ? ? Nếu như nhân vật trữ tình không thể lựa chọn cả 2 lối rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chăng? Vì sao? ? Cuối cùng nhân vật trữ tình đã đưa ra lựa chọn nào của mình? Anh ta có thực sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (phiếu học tập) - HS thảo luận.</p>	<p>2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối rẽ: “<i>cỏ rậm...lá rơi đây...chưa đến vết chân ai...</i>”. - Cả 2 lối rẽ đều có vẻ giống nhau và đều “<i>giữ bí mật</i>” về những gì ở phía trước. -> Đó là tình thế khó khăn của đời sống, nhất là khi ta không thể phóng tầm mắt lên trước để xem con đường này dẫn ta tới đâu và liệu nơi đó có như ta kì vọng không? - Tình huống nhân vật trữ tình phải đối mặt thực sự rất khó khăn vì anh ta không thể cùng lúc đi trên 2 con đường. Nhưng nếu từ bỏ sự lựa chọn thì cuộc hành trình không thể bắt đầu và anh ta chỉ mãi giậm chân tại chỗ. Đây không phải là trạng thái sống đúng nghĩa. - Cuối cùng nhân vật trữ tình vẫn lựa chọn 1 lối đi. Nhưng anh ta không tin chắc con đường mình chọn là con đường tốt hơn con đường mình đã không chọn. -> Đó cũng là trạng thái phân vân, băn khoăn khá phổ biến của bộ phận con người không đủ can đảm để dấn thân đến cùng trên hành trình của mình.
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp - GV quan sát, khích lệ HS. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. <p>Bước 4: Kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung. 	
--	--

Nhiệm vụ 3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình

a. Mục tiêu

- Hiểu được tâm trạng của nhân vật trữ tình sau khi đã lựa chọn 1 con đường đi.
- Tâm trạng chung của một bộ phận trên hành trình lựa chọn tương lai cho bản thân.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng của NV trữ tình sau khi đã lựa chọn cho mình con đường đi.</p> <p>? Em có đồng cảm với trạng thái do dự, phân vân của nhân vật trữ tình không? Vì sao?</p> <p>? Em đã từng lâm vào trạng thái của nhân vật trữ tình chưa?</p> <p>? Hãy nêu 1 thông điệp có ý nghĩa đối với bản thân em?</p> <p>? Làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Trả lời câu hỏi: Sự giống và khác nhau giữa các vị thần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện một nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. 	<p>3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng: <i>thờ dài</i> -> Dù đã lựa chọn một lối đi nhưng nhân vật trữ tình vẫn do dự, băn khoăn, buồn và nuối tiếc, bởi không tin chắc con đường mình lựa chọn là tốt nhất. -> NV tự đối diện với chính mình, giải đáp những trăn trở, thắc mắc nảy sinh từ chính lòng mình. - NVTT cũng tự nhận ra cơ hội khám phá mình, hiểu mình. -> Con người cần dũng cảm trải nghiệm và có lựa chọn con đường cho tương lai.

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục 3 	
---	--

Nội dung3. Tổng kết

IV. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB, rút ra thông điệp sâu sắc cho bản thân.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân ? Nhận xét đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ. ? Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em qua bài thơ này?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.</p> <p>Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV chốt: Rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thần thoại:</p>	<p>1. Nghệ thuật 2. Nội dung, ý nghĩa</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về văn bản *Con đường không chọn* đã học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, gợi ý cho HS viết một đoạn văn liên quan đến một nội dung trong bài học.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài thơ *Con đường không chọn*.

- GV hướng dẫn HS chọn theo các bước: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hình ảnh con đường. Phân tích ý nghĩa tả thực để từ đó hiểu về ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV yêu cầu HS nào đã làm xong bài, có thể đem lên để GV nhận xét, chỉnh sửa.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã được học trong bài để suy nghĩ về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân mỗi HS khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

b. Nội dung: Dựa vào một bài báo viết về chọn nghề để HS cùng bàn luận, trao đổi và cùng định hướng con đường phía trước.

c. Sản phẩm: Bài viết, bài nói của HS thể hiện những quan điểm và định hướng của cá nhân mình khi mới đang là học sinh lớp 10.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu lên cho HS cùng đọc một bài báo: *Ba lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp* – Tiến sĩ Trần Đình Lý – báo Thanh niên, diễn đàn của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (<https://thanhnien.vn/3-loi-khuyen-lua-chon-nghe-nghiep-post546940.html>)

- GV yêu cầu HS cùng thảo luận về nội dung bài báo và đưa ra ý kiến, định hướng của riêng mình về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc bài báo và hoàn thành các câu hỏi.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến cá nhân, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, góp ý cho HS.
- Định hướng cho tất cả HS trong lớp.

HOẠT ĐỘNG 5: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

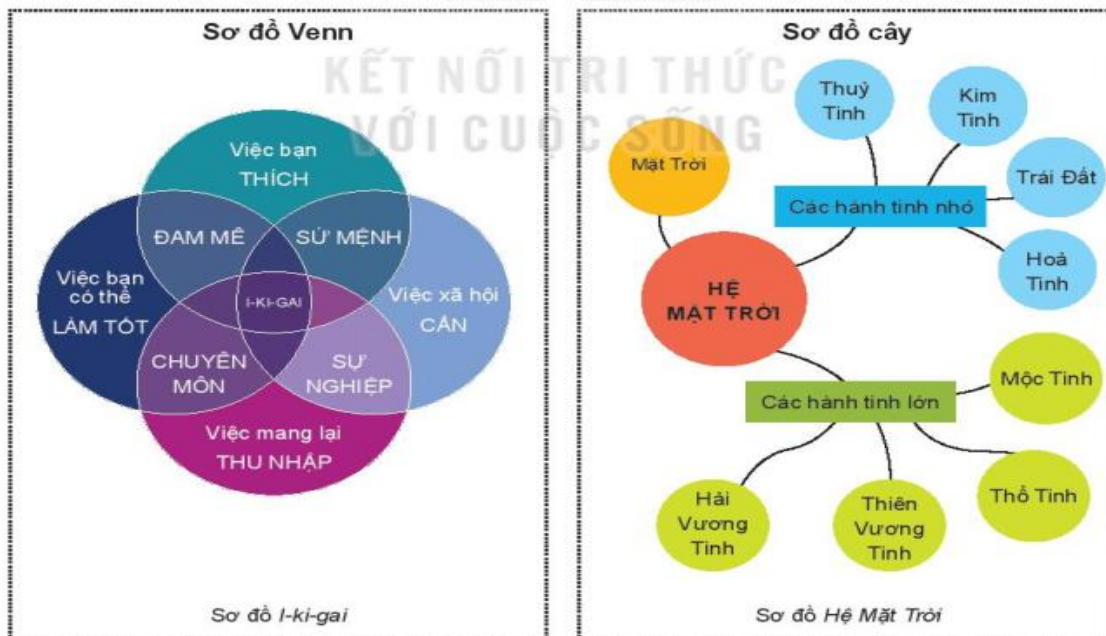
- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

+ Nộp sản phẩm vào tiết học sau.

+ GV sử dụng rubric đánh giá

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.

- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về văn bản “*Một đời như kẻ tìm đường*” (trả lời câu hỏi trong SGK)



Tiết 95,96 Văn bản 3: MỘT ĐỜI NHƯ KẸ TÌM ĐƯỜNG

(Trích Phan Văn Trường)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài viết.
- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của bài viết.
- Nhận biết được quan điểm của người viết trong văn bản.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

2. Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước nội dung của bài viết.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong bài viết.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như chăm chỉ, cố gắng, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Video giới thiệu về tác giả và những bài viết khác.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Câu chuyện về sự lựa chọn bản thân:

Cuộc sống là những chuỗi lựa chọn, nhiều lúc chúng ta đi trên một con đường mà chúng ta không hề ngờ đến và rồi nói một câu hên xui may rủi: Nghề chọn mình chứ mình không chọn nghề hoặc số nó hên nên vậy.

Hai người nông dân muốn rời xa quê để kiếm sống, một người đặt vé đi Thượng Hải, còn một người đặt vé đi Bắc Kinh, họ ngồi chờ tàu và ngồi tâm sự với nhau về cuộc sống quê nhà.

Nhiều người cùng quê nghe thấy cuộc trò chuyện của 2 người đàn ông lần đầu tiên rời xa quê nhà thì đều khuyên người đặt vé đi Thượng Hải nên đổi vé đi, vì người Thượng Hải ranh ma lắm, hỏi đường cũng phải tốn tiền còn người Bắc Kinh thấy không có ăn thì cho đồ ăn, lạnh thì cho chăn bông, quần áo cũ.

2 người nghe vậy lẳng lặng ra quầy đổi vé và bất ngờ vì người đặt vé đi Bắc Kinh muốn đặt vé để đi Thượng Hải còn người đi Thượng Hải lại muốn đặt vé đi Bắc Kinh, vậy là họ đổi vé cho nhau.

Người trước đây đi Bắc Kinh nghĩ bụng: May quá, chưa đi Bắc Kinh. Thượng Hải để hỏi đường cũng phải chi tiền thế thì không có việc gì mà không thể kiếm được tiền cả.

Còn người định đi Thượng Hải thì lại nghĩ: Bắc Kinh hay hơn, không kiếm được tiền cũng không đến nỗi chết đói.

Người đi Bắc Kinh cảm thấy cuộc sống ở Bắc Kinh thật tuyệt, anh có thể ăn các món miễn phí trong siêu thị, có thể uống nước lọc miễn phí ở vài nơi,...

Còn người đi Thượng Hải sau một thời gian sống, cảm thấy đây là một miền đất hứa đối với mình.

Anh vận dụng kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình, ra vùng ngoại ô Thượng Hải lấy những bao đất và trộn với lá cây và cát bán cho những người trồng cây cảnh.

Lần đầu tiên, anh kiếm được 60 NDT.

Rồi anh dần dần tiết kiệm được tiền mua được một cửa hàng nhỏ, Rồi một thời gian sau, ông để ý rất nhiều cửa hàng sạch sẽ nhưng có bảng hiệu rất dơ bẩn, ông ngạc nhiên tìm hiểu và biết rằng các công ty vệ sinh chỉ dọn dẹp bên trong nhà hàng nhưng lại không quét dọn các bảng hiệu.

Vậy là ông thành lập công ty chuyên lau chùi bảng hiệu, và hiện tại số nhân công làm cho ông đã lên tới 150 người.

Sau khi đã có một tài sản nhất định, người đàn ông đi Thượng Hải quyết định bắt tàu đi Bắc Kinh để tìm hiểu xem có cơ hội kiếm tiền từ thành phố thủ đô này không, Khi đến Bắc Kinh, một người nhặt rác thò tay và toa giường mê mèm để xin vỏ lon nhựa, và bất ngờ thay, người đó lại là người đổi vé với ông năm xưa.

Mỗi sự lựa chọn đều đã định trước cuộc sống sau này của bạn, nếu bạn chọn con đường với sự ỷ lại, với suy nghĩ tiêu cực thì chắc chắn cuộc sống sau này chẳng bao giờ khám phá được đâu, may ra có cô tiểu thư/ chàng nhà giàu nào để mắt tới và rước về nhưng tỷ lệ này cũng cực kỳ nhỏ bé, may ra được 0,0001 % thôi và nếu có cưới về chắc cũng là vợ/chồng kiêm thêm chức osin.

Đừng ỷ lại vào người khác nữa, cuộc sống là do chính bạn lựa chọn.--

-Sưu tâm-

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

- GV: gọi 1 – 3 HS chia sẻ về những lựa chọn mình đã thực hiện trong cuộc sống và những hệ quả của những lựa chọn đó.

- GV đặt câu hỏi: Lựa chọn của chúng ta hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

- GV đặt câu hỏi: Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV dẫn dắt vào bài học: “Trên đời người thú vị nhất là đến lúc mình đang tìm đường, thì con đường tự nó hiện ra trước mặt mình, làm cho mình chẳng còn chọn lựa gì nữa, phải cứ tiến lên thôi!” (Giáo sư Phan Văn Trường)

Phải khảng khái mà nói rằng, khi đọc tự truyện của những bậc tiền bối của thế hệ trước, không phải lựa cha chú mà là lựa cha chú của cha chú mình thì mới thấy được cái phong văn hóa và bối cảnh thời đại mà họ sống vĩ đại đến nhường nào. Từng câu chuyện thực tế họ chia sẻ đến những triết lý họ chiêm nghiệm khiến mình đi từ rúng động này đến rúng động khác, cả tâm can dường như bị chấn động mà khó có một tác giả Việt Nam hay nước ngoài nào ở lứa tuổi cha chú mình có thể làm được điều này, nhưng lớp thế hệ vàng trước đó lại là một đẳng cấp hoàn toàn khác. Hôm nay, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản được trích trong “ Một đời như kẻ tìm đường “ của Phan Văn Trường. Để chúng ta có thể thấu hiểu hơn về cuộc sống đã được độc giả thấu tóm được những kinh nghiệm hết sức quý báu từ một người đã sống trọn vẹn hơn 70 năm cuộc đời.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2: Đọc văn bản

a) **Mục tiêu:** Hs đọc, bước đầu cảm nhận nội dung văn bản

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS đọc văn bản

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu. - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản. <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận 	<p>1. Đọc văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc - Hs thảo luận trả lời các câu hỏi ở thẻ hướng dẫn đọc

<p>Hoạt động 3: khám phá văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>* GV hướng dẫn cách đọc: HS đọc to rõ.</p> <p>GV đọc trước một đoạn.</p> <p>* GV cho HS trả lời các câu hỏi ở phần đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mỗi lựa chọn của chúng ta ngày hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai? Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?</i> - <i>Dựa đoán về nội dung sẽ được trình bày trong văn bản.</i> - <i>Người viết đã nêu lên những tình huống lựa chọn nào?</i> - <i>Chú ý những suy ngẫm, đúc rút của người viết.</i> - <i>Chú ý cách lý giải về mối quan hệ giữa lựa chọn và số phận.</i> - <i>Những đúc rút, suy ngẫm của người viết.</i> - <i>Giọng điệu của người viết.</i> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản</p> <p>Nhóm 1: <u>Mục đích của bài viết</u> là muốn truyền tải đến người đọc rằng trong cuộc đời có nhiều lúc chúng ta phải lựa chọn, lựa chọn đó có thể làm thay đổi cuộc sống của chúng ta hoặc là thành công, hạnh phúc hoặc thất bại, đau khổ và điều đó tùy vào chính tâm trạng của chúng ta.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm chính của tác giả trong bài viết này là cuộc đời của chúng ta như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn dù những lựa chọn đó chưa chắc đã là cuộc đời tương lai của chúng ta. - Những lí lẽ, bằng chứng được triển khai là: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tiên là câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời của người viết năm mười bốn tuổi, lựa chọn môn học, chương trình học và ngành nghề tương lai. + Những lựa chọn bất đắc dĩ mà người viết phải chọn như không chọn Pháp nhưng phải đi Pháp, tốt nghiệp kĩ sư dù chưa bao giờ nghĩ tới, cũng chưa bao giờ mơ tới quyền lực nhưng lại có những vị trí quyền lực. + Số phận và lựa chọn của người viết: làm kĩ sư cầu đường nhưng chưa bao giờ thiết kế đường, chưa bao giờ học kinh tế nhưng đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học, ... + Những con đường mà chúng ta chọn rồi cũng sẽ là thành công và hạnh phúc vì thành công và hạnh phúc không phụ thuộc

<p>suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: GV phân nhiệm vụ chia nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi ở SGK.</p> <p>Nhóm 1: Theo bạn, mục đích của bài viết này là gì? Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này. Quan điểm ấy đã được triển khai qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào?</p> <p>Nhóm 2: Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản. Nhan đề của bài viết là <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.” Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa?</p> <p>Nhóm 3: Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà bạn thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến bạn thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm bạn muốn đối thoại với tác giả?</p> <p>Nhóm 4: Từ bài thơ <i>Con đường không chọn</i> và bài viết <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>, bạn suy nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống?</p>	<p>vào con đường đã chọn mà vào tâm trạng của chính chúng ta, vào thành quả mà chúng ta gặt hái được.</p> <p>Nhóm 2: - <u>Các yếu tố tự sự, miêu tả là:</u></p> <p>+ Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ.</p> <p>+ Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của mình.</p> <p>- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết.</p> <p>- Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>.</p> <p>- Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình.</p> <p>Nhóm 3: - <u>Luận điểm mà tôi thấy tâm đắc</u> là về những sự kì lạ trong cuộc đời người viết, phải đưa ra một quyết định những rồi như thể chẳng liên quan đến mình; tìm cách giải quyết, tìm hướng đi nhưng số phận đưa anh đến một lối đi khác.</p> <p>- Lí do luận điểm ấy thuyết phục tôi vì tôi cảm thấy cuộc đời tôi lúc này cũng giống vậy, những thứ tôi lựa chọn dường như</p>
--	--

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>chẳng liên quan đến tôi và khi tôi tìm đường đi cho mình thì số phận đã chỉ đường cho tôi. Tôi không thích môn văn nhưng lại vào lớp chuyên văn, tôi muốn thi tiếng anh nhưng không đỗ tiếng anh.</p> <p>Nhóm 4: Theo tôi, những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống có thể là quyết định từ sâu trong suy nghĩ của mình hoặc là quyết định không mong muốn, đôi khi bản thân như người vô hình trong sự lựa chọn ấy. Mỗi người luôn phải đưa ra những sự lựa chọn dẫn lối tương lai, đôi khi sự lựa chọn ấy chưa chắc đã là tương lai của bạn, số phận có thể sẽ đưa bạn đến với lối đi khác trong cuộc đời.</p>
<p>C. Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS tổng kết bài học * GV nêu câu hỏi:</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Các yếu tố tự sự, miêu tả là:</p> <p>+ Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ.</p> <p>+ Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của mình.</p> <p>- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng</p>

hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết.

4. Ý nghĩa nhan đề

- Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề *Một đời như kẻ tìm đường*.

- Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình.

Hoạt động 4: Kết nối đọc – viết

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

- Xác định quan điểm của bản thân về quan điểm thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên.

- Triển khai và sắp xếp các luận điểm, lí lẽ cho quan điểm của bản thân và viết đoạn văn theo yêu cầu.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Có người đã từng nói với tôi rằng: Bạn không thể quyết định việc mình sinh ra ở đâu nhưng bạn hoàn toàn có thể quyết định mình sống như thế nào. Đúng như ý nghĩa của câu nói trên, tương lai của bản thân sẽ do chính mình tự quyết định, tương lai thành công và hạnh phúc hay thất bại và đau khổ không phải dựa vào may rủi mà nó phụ thuộc vào chính bản thân chúng ta. Trong cuộc sống hiện tại và tương lai, chúng ta luôn phải đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời, phải đưa ra những lựa chọn dù muốn

hay không và những lựa chọn đó sẽ chính là bước đi tiếp theo của chúng ta. Để thành công trong cuộc sống, để tương lai tốt đẹp cần phải có trí tuệ sáng suốt để phân đoán, suy luận; có kỹ năng làm việc; có ý chí, nghị lực và quyết tâm cao để vượt qua mọi trở ngại, khó khăn; có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao mới tạo được niềm tin với người khác; có kỹ năng giao tiếp để nắm bắt cơ hội, để hợp tác chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay; có cơ sở vật chất ban đầu và có sự may mắn. Không biết đã bao nhiêu lần chúng ta buông tay từ bỏ khi mà chỉ cần một chút nỗ lực, một chút kiên trì nữa thôi là chúng ta sẽ đạt được thành công. Câu chuyện về một người thợ đã mua lại một mảnh đất hoang với giá cao vì ông tin rằng dưới lòng đất có một mỏ kim cương quý giá, ông đã bỏ nhiều công sức, tiền của và nhiều năm để đào bới mảnh đất nhưng không thu được gì. Vì quá chán nản, ông ấy đã bán lại khu đất cho một người khác mà không ngờ rằng chỉ 2 tháng sau đó, người chủ mới khu đất đã tìm thấy một mỏ kim cương khổng lồ nằm sâu trong đất. Chúng ta đôi khi cũng giống như người thợ trong câu chuyện vậy, chúng ta thiếu đi sự kiên nhẫn, thiếu nghị lực để rời bỏ lỡ mất thành công ngay trước mắt và đổ lỗi cho sự may rủi. Sự may rủi không phải là cái quyết định thành công và hạnh phúc của chúng ta mà chính bản thân chúng ta mới là yếu tố quyết định thành công và hạnh phúc. Trong hành trình tìm kiếm tình yêu và hạnh phúc, kết quả chỉ đến với những ai biết kiên nhẫn, biết lắng nghe, biết nỗ lực và dũng cảm đương đầu với thử thách. Nếu bạn không phạm sai lầm, nghĩa là bạn còn chưa cố gắng đủ.

Hướng dẫn TỰ HỌC:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ẩn tượng về bài học.
- + Nộp sản phẩm vào tiết học sau.
- + GV sử dụng rubric đánh giá
- Tìm đọc thêm các câu chuyện liên quan.
- Chuẩn bị soạn bài:.....

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....

Tiết 97. Thực hành tiếng Việt

SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

(tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin.
- Học sinh nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ cơ bản như biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây.

2. Về phẩm chất

Học sinh có ý thức tôn trọng trong làm việc nhóm và tranh luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, bảng, ...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD1: KHỞI ĐỘNG

a- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trong học tập để các em sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b- Nội dung hoạt động:

Thảo luận nhóm để tìm ra thông tin từ hình ảnh GV cung cấp (Phụ lục 1)

c- Sản phẩm: Kết quả thảo luận của HS.

- Hình 1: Ra dấu hiệu ...

- Hình 2: Biểu hiện cảm xúc ...

d- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Quan sát hình ảnh và nêu ý nghĩa thông điệp qua hình ảnh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề và dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a- Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số loại biểu đồ, sơ đồ.

- HS hiểu được ý nghĩa - tác dụng của biểu đồ, sơ đồ.

b- Nội dung hoạt động:

- HS thực hiện yêu cầu của GV.

- HS sử dụng SGK làm bài tập 1 để hoàn thành phiếu học tập

c- Sản phẩm:

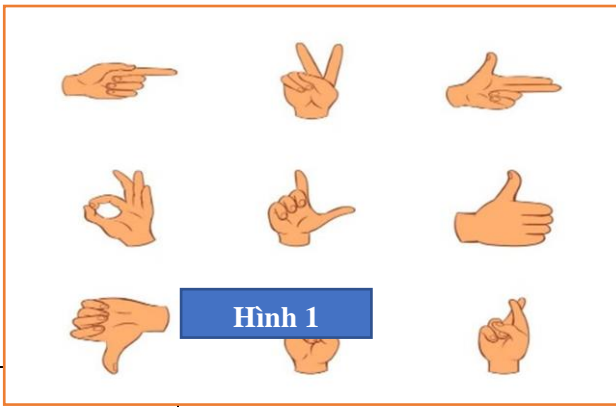
HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

d- Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập - Quan sát các dạng biểu đồ và sơ đồ trong sơ đồ. - GV phát phiếu học tập (phụ lục 2) cho HS. - Tổ chức thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát biểu đồ, sơ đồ. HS thảo luận nhóm làm bài tập 1.	I- Phương tiện phi ngôn ngữ: II- Thực hành Bài tập 1: Kết quả thảo luận của nhóm. - Sơ đồ cây kết hợp với biểu đồ thời gian. - Sơ đồ cây cho thấy kế hoạch “Tôi của tương lai” trên năm phương diện: Tài chính; Sở thích; Công hiến; Công việc; Gia đình. - Biểu đồ thời gian cho thấy sự tiến triển cụ thể của “Tôi của tương lai” theo từng phương diện

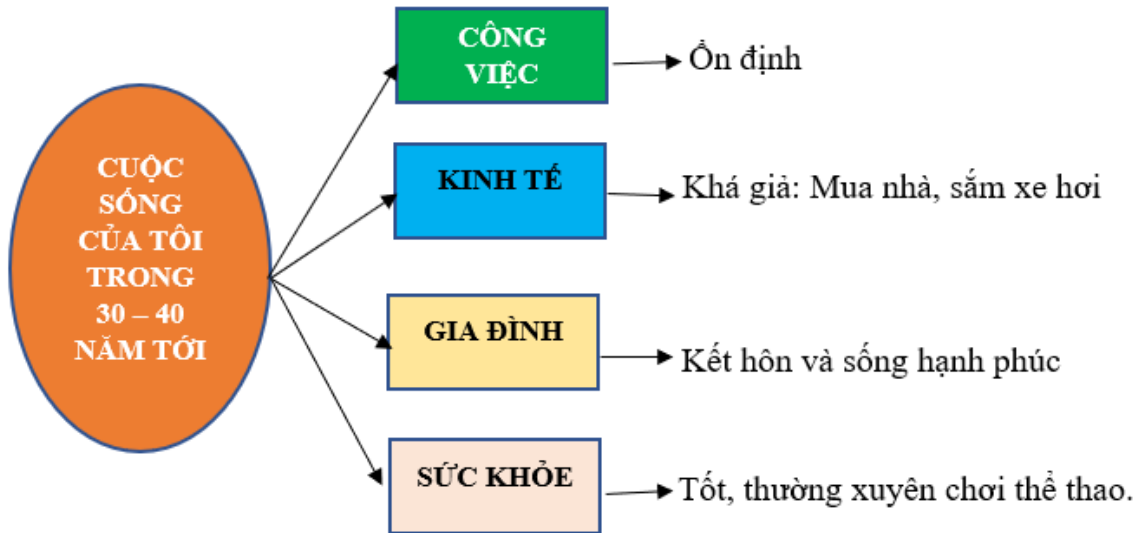
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến</p> <p>Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.</p>	<p>kể trên.</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p>	
<p>a- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về phương tiện phi ngôn ngữ để làm bài tập và vận dụng vào cuộc sống.</p> <p>b- Nội dung hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện yêu cầu của GV - Tưởng tượng về cuộc sống của bạn trong 30 – 40 năm tới bằng các phương tiện phi ngôn ngữ (bài tập 2) <p>c- Sản phẩm: Bài làm của học sinh (tham khảo, phụ lục 3).</p> <p>d- Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>HD CỦA GV - HS</p>	<p>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập HS làm bài tập 2 dưới hình thức bài làm cá nhân.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào phần gợi ý trong SGK và suy nghĩ làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả HS trình bày bài làm.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các thông tin cần trình bày. - Xác định loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp để biểu đạt thông tin. - Sử dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, ... để cụ thể hóa, trực quan hóa các thông tin. <p>Tham khảo phụ lục 3.</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG</p>	
<p>a- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp HS biết kết nối nội dung của phần đọc với nội dung phần thực hành. - HS nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ. <p>b- Nội dung hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện yêu cầu của GV. - Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ cho phù hợp với nội dung thông tin trong bài tập 3. - Các dạng biểu đồ, sơ đồ cơ bản: Biểu đồ tròn; Biểu đồ thời gian Sơ đồ Veen; Sơ đồ cây. <p>c- Sản phẩm: Bài làm của HS (tham khảo phụ lục 4)</p> <p>d- Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>HD CỦA GV - HS</p>	<p>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm làm bài tập số 3. Yêu cầu HS dựa vào thông tin trong đoạn trích để thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ phù hợp.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm làm hoàn thành bài tập 3.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày bài thảo luận.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục đích giao tiếp. - Lựa chọn các thông tin cần trực quan hóa thành sơ đồ. - Lựa chọn loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp. - Bài làm của HS. (Tham khảo phụ lục 4)

Phụ lục 1: Quan sát hình ảnh và nêu ý nghĩa của thông điệp qua hình ảnh.



Tên		
Tác dụng		

Phụ lục 3: Tham khảo- Cuộc sống của tôi tr

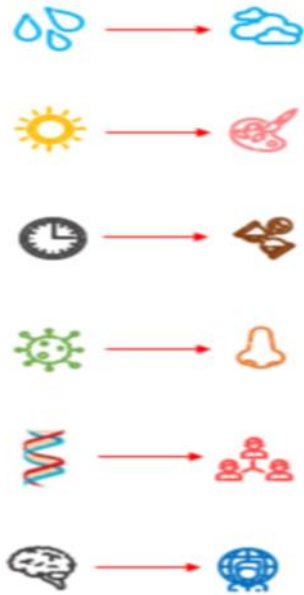


30 – 40 năm tới (BT 2)

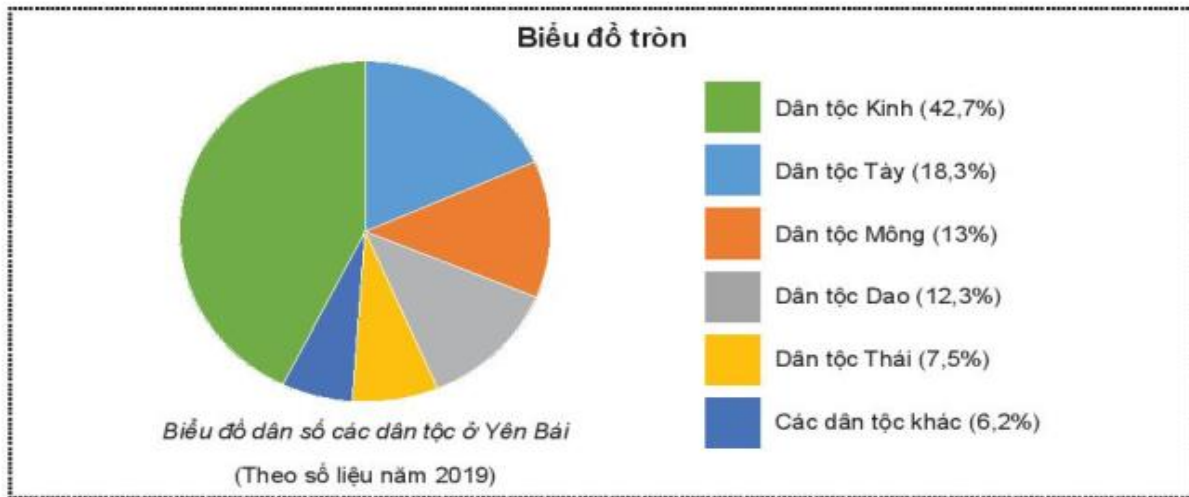
ong

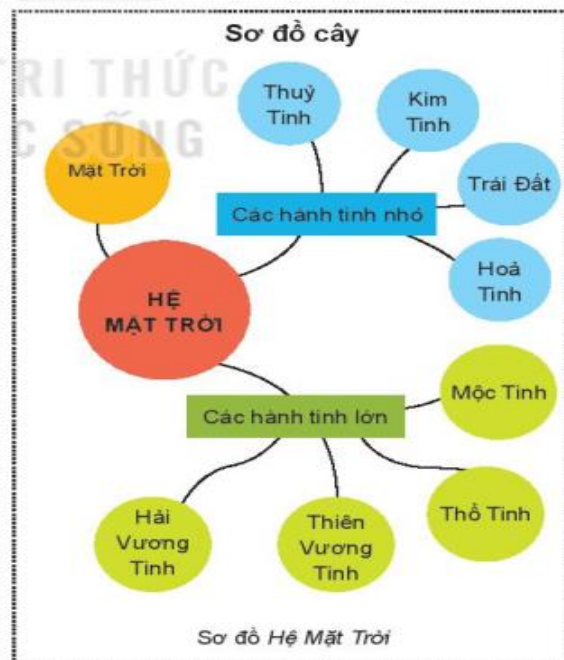
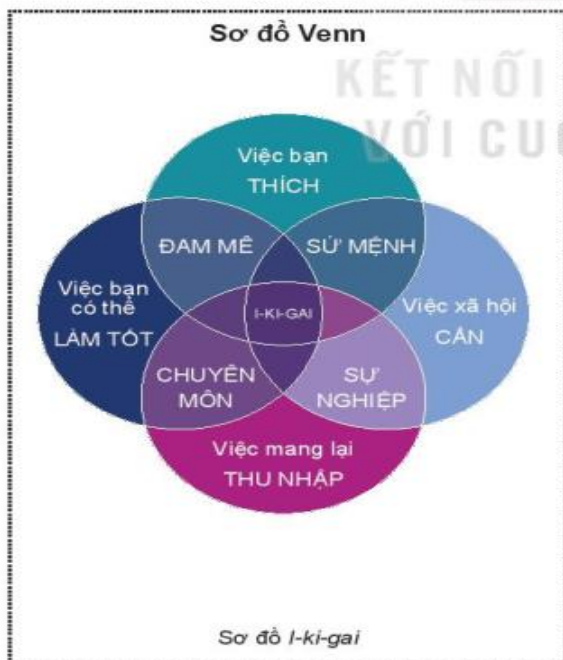
Phụ lục 4: Tham khảo thêm về bài tập 3





Các dạng biểu đồ, sơ đồ





Phụ lục 5: Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 - 4 điểm)	LÀM TỐT (5 - 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 - 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày không cẩn thận	2 điểm Bài làm đầy đủ. Trình bày được Kết cấu hợp lí	3 điểm Bài làm đầy đủ Trình bày đẹp Kết cấu hợp lí.
Nội dung (7 điểm)	1 - 4 điểm	5 - 6 điểm	7 điểm

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình.

2. Về kĩ năng

- HS viết được một bài luận về bản thân đáp ứng được các yêu cầu: có quan điểm rõ ràng, thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu của mình, sử dụng bằng chứng là những trải nghiệm có thực, sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm và tự sự.

3. Về phẩm chất

- HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu,

2. Học liệu: phiếu học tập, tư liệu tham khảo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được các yêu cầu của kiểu bài viết bài luận về bản thân
- HS hiểu được ứng dụng của bài luận về bản thân trong các tình huống giao tiếp đời sống

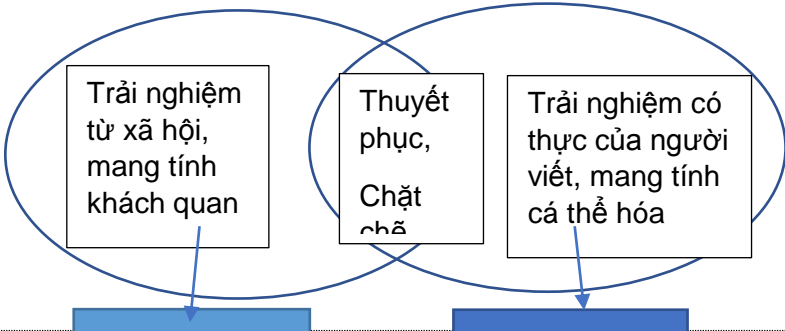
b. Nội dung

- Thảo luận: Một bài luận về bản thân tốt cần đáp ứng những yêu cầu gì? Những yêu cầu này khác gì với yêu cầu cần đạt trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội?

c. Sản phẩm

- Sơ đồ so sánh yêu cầu cần đạt của bài nghị luận về bản thân và bài nghị luận về một vấn đề đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Đọc phần giới thiệu kiểu bài và yêu cầu cần đạt ở trang 113, so sánh với yêu cầu cần đạt và bối cảnh sử dụng của bài nghị luận về vấn đề xã hội</p> <p>Bước 2: HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ Vene để so sánh yêu cầu cần đạt của hai kiểu bài</p> <p>Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình</p> <p>Bước 4: Giáo viên kết luận: điểm khác biệt quan trọng nhất của bài luận về bản thân so với bài nghị luận về vấn đề xã hội là những bằng chứng được sử dụng trong bài viết là</p>	<p>Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài</p> 
	<p>Nghị luận về một vấn đề xã hội</p> <p>Bài luận về bản thân</p>

những trải nghiệm có thực của người viết, bài viết thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của người viết.

Hoạt động 2: Luyện viết

1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của bài luận về bản thân

a. Nội dung

Phân tích bài viết tham khảo

b. Sản phẩm

Phiếu trả lời câu hỏi

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần mở đầu bài luận có những thông tin gì? Quan điểm của người viết được trình bày dưới hình thức nào? + Thông điệp chính của bài viết là gì? Thông điệp đó được trình bày dưới hình thức nào? + Những trải nghiệm của người viết được trình bày theo trật tự nào? Chúng có tác dụng gì? + Những suy ngẫm, bàn luận, cảm xúc của tác giả được đặt ở vị trí nào trong bài viết? Những thông tin này tác động thế nào tới độc giả? + Giọng điệu của tác giả trong bài viết là gì? Giọng điệu đó được tạo nên bằng cách nào? <p>Bước 2: HS đọc bài viết và trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình</p> <p>Bước 4: Giáo viên kết luận:</p>	<p>2.1. Đọc bài viết tham khảo</p> <p>1. Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu trích dẫn--> thu hút sự chú ý của người đọc + Thể hiện quan điểm: Hãy luôn sống cống hiến, sống hết mình như thể cuộc sống không còn ngày mai <p>Bài viết đã trình bày thông điệp chính bằng cách nào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng yếu tố tự sự để nói về trải nghiệm của bản thân → tăng tính chân thực → tạo tính hấp dẫn thu hút người đọc + Sử dụng yếu tố biểu cảm: nêu những cảm xúc của người viết thông qua trải nghiệm → tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết + Dùng những suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm của bản thân để nêu lên thông điệp của mình + Người viết thông qua trải nghiệm của bản thân đã tác động vào nhận thức, tình cảm của người đọc và từ đó kêu gọi họ hành động: Hãy can đảm sống theo sự mạch bảo của trái tim và trực giác. + Giọng điệu: dí dỏm, hài hước <p>3. Cấu trúc của Bài luận về bản thân thường có cấu trúc 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần mở đầu thể hiện quan điểm riêng của người viết và thông điệp chính của văn bản. + Phần thân bài thể hiện những suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những trải nghiệm có thực của mình. + Phần kết bài nhắc lại thông điệp chính hoặc kêu gọi hành động.

2. Thực hành viết

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết một bài luận về bản thân

- HS thực hành các bước để viết bài luận về bản thân dựa trên hướng dẫn của GV

c. Nội dung

Thực hành viết theo các bước

d. Sản phẩm

Phiếu hướng dẫn viết

e. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thực hành viết một bài luận về bản thân để xin học bổng một trường Đại học ở nước ngoài dựa trên các hướng dẫn trong phiếu học tập số 1.</p> <p>Bước 2: HS đọc phần thực hành viết trong SGK, thảo luận nhóm để thực hiện các bước theo hướng dẫn và điền kết quả thảo luận nhóm vào PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT.</p> <p>Bước 3: HS chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm. Các HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, làm mẫu cách triển khai một bài viết cụ thể, chốt lại các vấn đề cần lưu ý khi viết một bài luận về bản thân</p>	<p>2.2. Thực hành viết theo các bước</p> <p>- Chia sẻ phần các thao tác và kỹ năng khi viết bài</p> <p>Thực hiện các bước</p> <p>B1. Chuẩn bị viết Hoàn thiện Phiếu hướng dẫn viết</p> <p>B2. Tìm ý, lập dàn ý Thiết kế dưới dạng sơ đồ</p> <p>B3. Viết bài</p> <p>B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <p>- Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)</p>

PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT

HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH
1. Xác định ý tưởng và thông điệp chính	
2. Xác định các luận điểm chính để làm rõ thông điệp	
3. Lựa chọn bằng chứng là các trải	

nghiệm có thực của bản thân	
4.Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic	

Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video

b. Nội dung

- Viết đoạn văn

c. Sản phẩm

Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: viết một bài luận về bản thân để chia sẻ một bài học mà bạn đã lĩnh hội được trong cuộc sống. Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.</p> <p>Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.</p> <p>Bước 3: GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết</p> <p>Bước 4: GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.</p>	<p>Viết bài luận về bản thân</p> <p>Hs viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lựa chọn văn phong phù hợp + Có sử dụng kết hợp các PTBD, các phương tiện phi ngôn ngữ, các BPTT để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn của bài viết <p>GV dùng Bảng kiểm hướng dẫn Hs đánh giá lẫn nhau</p> <p>Hs trao đổi, thảo luận</p> <p>HS chỉnh sửa bài viết theo góp ý</p>

BẢNG KIỂM KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: viết về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các phương tiện phi ngôn ngữ linh hoạt, hấp dẫn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc mang cá tính riêng, hấp dẫn; có cách diễn đạt mới mẻ.	
---	---	--

Tiết 100

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

I.MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Văn bản nghị luận	2	3	1	6
Tỉ lệ điểm			15	30	15	60
2	Viết	Viết bài luận về bản thân	1	1	1	1
Tỉ lệ điểm trên từng câu hỏi			15	10	15	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			30	40	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	

I	ĐỌC HIỂU	Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Thể loại - Chi tiết Thông hiểu: - Tác dụng biện pháp tu từ. - Nội dung văn bản. - Ý nghĩa câu văn. Vận dụng: - Rút ra thông điệp.	15%	30%	15%	60%
II	Viết	Viết bài luận về bản thân	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá Nhận biết: - Nhận diện được kiểu bài (tự sự + nghị luận). -Xác định được những luận điểm phù hợp của bài luận. Thông hiểu: -Triển khai bài luận thành những luận điểm phù hợp. -Trình bày được những quan điểm, những cơ sở về nhận thức và thực tiễn liên quan đến vấn đề đặt ra. - Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã trải qua. -Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng: - Kể những trải nghiệm hợp lí, rõ ràng. - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề đặt ra.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
				15%	10%	15%	40%

			<ul style="list-style-type: none"> - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. - Sử dụng kết hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 				
Tỉ lệ			30%	40%	30%	100%	
Tổng			100%				

II. Hệ thống hóa các kiến thức đã học

Văn bản nghị luận	<ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản nghị luận là kiểu văn bản dùng lí lẽ và dẫn chứng để: <ul style="list-style-type: none"> ○ Bàn luận một vấn đề ○ Thuyết phục người đọc/nghe tin theo quan điểm của mình 2. Các yếu tố của VBNL: <ul style="list-style-type: none"> - Luận đề (vấn đề nghị luận) Là vấn đề chính cần bàn luận Thường trả lời câu hỏi: “Bài này bàn về cái gì?” - Luận điểm <ul style="list-style-type: none"> • Là các ý chính triển khai luận đề • Mỗi luận điểm là một ý lớn - Luận cứ: Là lí lẽ + dẫn chứng để làm rõ luận điểm 3. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP <ol style="list-style-type: none"> a. Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> • Xác định luận đề • Xác định thao tác lập luận b. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> • Nêu nội dung chính • Giải thích câu văn c. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> • Rút ra thông điệp • Liên hệ bản thân
-------------------	---

	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
	Viết bài luận về bản thân	<p>Mở bài: Nêu thông điệp chính của bài viết xuất phát từ trải nghiệm thực tế của bản thân.</p> <p>- Thân bài: tùy vào mục đích của bài luận về bản thân, bạn có thể triển khai thân bài theo nhiều cách khác nhau, ví dụ: + Thể hiện suy</p>

	ngữ, lúc rút về cuộc sống từ những sự kiện có thức mà mình đã trải qua: bạn có thể sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian hoặc mạch suy ngẫm. Ví dụ trong đoạn trích “Hãy đam mê, hãy dạy khờ”, tác giả đã sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian. Trong “Một đời như kẻ tìm đường”, tác giả Phan Văn Trường đã chọn lọc, tổ chức các sự kiện xoay quanh mạch suy ngẫm về hành trình lựa chọn của mình trong cuộc sống.
--	---

II. Luyện tập và vận dụng

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Đôi khi con người tự làm khó bản thân khi trối mình vào những u sầu, phiền não. Người hạnh phúc là người biết cởi bỏ đám dây leo chằng chịt đó để tâm hồn được thanh thản. Thay vì giam mình trong những lo toan không đáng có, ta hãy vui vẻ tận hưởng từng ngày, hãy sống hết mình như thể chưa bao giờ có những muộn phiền và rằng cuộc sống luôn ẩn chứa những thú vị bất ngờ.

Hãy tin rằng mỗi ngày mới là sự hứa hẹn về những điều mới mẻ chưa từng xảy ra trước đó. Hãy tự làm mới cuộc sống của mình mỗi ngày. Chúng ta không biết trước ta từ đâu tới hay tại sao chúng ta lại ở đây, nhưng luôn có một điều chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn đó là chúng ta đang sống, và vì vậy, đừng lãng phí dù chỉ một ngày.

Cuộc sống thực sự của ta đang diễn ra chính hôm nay. Nó không cần ta phải chờ đợi, sắp đặt hay lên kế hoạch. Điều quan trọng là ta cần phải nhập cuộc và sống hết mình với nó. Nếu cánh cửa mà ta mong chờ vẫn im lìm đóng, hãy tự nhủ điều đó chắc chắn có lí do, và tại sao ta không tận hưởng niềm thích thú khi thử bước vào một cánh cửa khác đang mở sẵn đón mình?

Cuộc sống của ta là ở đây và ngay bây giờ, không phải "nếu" hay "giả như". Và vì vậy, hãy vui vẻ tận hưởng những gì trong hiện tại.

Bạn đang sống, và vì thế hãy thoả sức bay nhảy trên đôi chân của mình. Hãy đi khắp nơi để mở rộng tầm hiểu biết. Hãy khiến cuộc sống quanh mình sinh động hơn, bởi sống hoàn toàn đối nghịch với chết. Nếu chỉ sống lặng lẽ cho qua ngày thì đó mới chỉ là "tồn tại". Mỗi người chúng ta cần năng động hoặc ít nhất hãy để trí não của mình sáng tạo, phong phú và tươi mới.

(Theo Quên hôm qua sống cho ngày mai,

Tian Dayton, PH. D, biên dịch: Thu Trang, Minh Tươi,

NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2014)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 2. Theo đoạn trích, cần làm gì để trở thành người hạnh phúc?

Câu 3. Nêu luận điểm chính của đoạn trích.

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong những câu văn sau: *Đôi khi con người tự làm khó bản thân khi trói mình vào những u sầu, phiền não. Người hạnh phúc là người biết cởi bỏ đám dây leo chằng chịt đó để tâm hồn được thanh thản.*

Câu 5. Anh/ Chị hiểu ý kiến: *Nếu chỉ sống lặng lẽ cho qua ngày thì đó mới chỉ là “tồn tại”* như thế nào?

Câu 6. Từ văn bản, anh/chị hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Lí giải. (Trình bày dưới hình thức đoạn văn trong khoảng 4 đến 6 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết bài luận (khoảng 600 chữ) của bản thân về **Hạnh phúc trong tôi là gì?**

Bài viết tham khảo

Khi 5 tuổi, tôi nghĩ: thật hạnh phúc nếu được mặc đồng phục đến trường học như các anh chị! Khi 10 tuổi, tôi nghĩ: hôm nay bố mẹ khen tôi, thật hạnh phúc!. Khi 15 tuổi, tôi nghĩ: thật hạnh phúc, tôi đã đỗ vào ngôi trường cấp ba mơ ước! Và bây giờ, 17 tuổi.... tôi nghĩ: Vậy hạnh phúc trong tôi là gì?

Trong mỗi chúng ta, ai cũng có một cuộc sống riêng, một niềm hạnh phúc riêng. Thế nhưng, không phải hạnh phúc của ai cũng giống nhau. Và ở mỗi một thời điểm, trong mỗi hoàn cảnh, chúng ta lại có suy nghĩ riêng về hạnh phúc của mình. Tôi có đang hạnh phúc không? Mọi người xung quanh tôi có đang hạnh phúc không? Làm sao để được hạnh phúc? Tôi đã tự đặt ra trong bản thân những câu hỏi đó sau khi tham gia “Khoá tu mùa hè” – một trải nghiệm vô cùng đáng nhớ của cuộc đời tôi. Ngày ấy, sau khi kết thúc kì thi vào 10, mẹ đã cho tôi tham dự khoá tu mùa hè 5 ngày tại chùa Khai Nguyên (Sơn Tây – Hà Nội) với mong muốn tôi được thư giãn, giải trí và trưởng thành hơn. Ở đó, cùng các bạn khoá sinh, chúng tôi đã được học nhiều điều về cuộc sống và về chính bản thân mình. Tôi đặc biệt nhớ đêm tâm thái “Gặp mẹ trong mơ” - ngày lễ tổ chức để bày tỏ lòng yêu thương, biết ơn đối với cha mẹ – những đấng sinh thành cao quý. Hôm ấy, chúng tôi đã được nghe một câu chuyện, kể về người mẹ bị mù một bên mắt và đưa con trai. Đứa con ấy đã cảm thấy rất xấu hổ vì đôi mắt của mẹ, thường xuyên tỏ thái độ khi mẹ không thể đem lại cho mình một cuộc sống hạnh phúc. Khi lớn lên, cậu bé ấy lên thành phố lập gia đình, để lại mẹ già ở quê nhà, hàng tháng gửi tiền về cho mẹ nhưng không một lời hỏi thăm. Và chỉ đến khi nhận tin mẹ ốm nặng, cậu bé ấy mới vội vã trở về thăm mẹ nhưng đã quá muộn. Người mẹ để lại cho cậu bé bức thư, trong ấy mẹ nói: “đôi mắt mẹ mù để đem đến hạnh phúc sáng cho con. Mẹ yêu con”. Và khi ấy, chàng trai mới nhận ra, hoá ra hồi bé, vì nghịch ngợm, cậu đã bị hỏng một bên mắt và mẹ đã hi sinh đôi mắt của mình để con có được một cuộc sống bình thường như bao người khác. Người mẹ ấy đã hi sinh cả cuộc đời vì con nhưng tiếc thay, chỉ khi mẹ ra đi, con mới vỡ oà nhận ra những yêu thương thầm lặng ấy. Đêm tâm thái kết thúc, xung quanh tôi chỉ toàn là tiếng khóc. Có thể là tiếng khóc nhớ gia đình, cũng có thể là tiếng khóc hối lỗi của bản thân, và tôi cũng đã khóc rất nhiều sau buổi tối hôm đó. Tôi nhận ra xung quanh tôi có biết bao người trải qua một cuộc sống thiếu vắng tình cảm gia đình, thế nhưng, họ vẫn luôn mạnh mẽ, lạc quan và giàu lòng yêu thương. Tôi nhận ra, có cha, có mẹ thật hạnh phúc. Và tôi nhận ra hạnh phúc đôi khi thật nhỏ bé! Đêm tâm thái và khoá tu mùa hè là một trải nghiệm đáng nhớ trong tôi. Nó khiến tôi trưởng thành hơn, sống giàu tình cảm hơn và mạnh mẽ hơn.

Tôi vẫn luôn cho rằng sẽ thật hạnh phúc nếu có được tất cả những gì mình muốn, thoả mãn với tất cả nhu cầu của bản thân cho đến khi...tôi thấy một đứa trẻ mỉm cười hạnh phúc trong vòng tay yêu thương của cha mẹ. Tôi cũng luôn nghĩ rằng sẽ thật hạnh phúc nếu tôi trở nên thành đạt, giàu có, được nhiều người ngưỡng mộ cho đến khi...tôi thấy một người khiêm thị hát rong bên đường và mỉm cười hạnh phúc dù không ai đứng lại thưởng thức. Và tôi cũng từng nghĩ thật hạnh phúc biết bao nếu tôi có thể đem đến cho gia đình của mình một cuộc sống sung

túc, ấm êm hơn những người khác cho đến khi ... tôi thấy một nghệ sĩ đã dành cả thanh xuân của mình để đem nụ cười đến những người xa lạ. Và khi ấy ... tôi chợt nhận ra: Phải chăng hạnh phúc trong tôi còn quá nhỏ bé?

Tôi biết rằng chúng ta sẽ chẳng thể áp đặt quan niệm sống của bản thân vào người khác. Thế nhưng, chúng ta hoàn toàn có thể soi chiếu quan niệm sống của người khác vào bản thân. Với tất cả những gì đã trải qua trong cuộc sống, tôi nhận ra, hạnh phúc trước hết là được sống là chính mình. Bởi được sinh ra, được sống trong cõi đời này đã thực sự là một niềm hạnh phúc. Vì vậy, chúng ta phải sống cho thật xứng đáng với những gì mình đang có. Bạn không thể sống cuộc đời của một kẻ khác mà hãy là chính mình. Cuộc đời chỉ có giá trị khi ta biết yêu thương bản thân, biết trân trọng cuộc sống, khi ta có ước mơ, có mục tiêu để phấn đấu. Chỉ nhiều đây thôi cũng đủ khiến ta hạnh phúc hơn bao người khác.

Có phải mọi người đều cho rằng: hạnh phúc là được yêu thương? Có lẽ đây sẽ là một điểm chung của chúng ta. Bởi không ai sẽ cảm thấy hạnh phúc nếu nhận lại từ mọi người xung quanh sự thù hận, ghét bỏ. Cảm giác được yêu thương là cảm giác mình trở thành một người quan trọng, mình được mọi người quan tâm, mình được mọi người sẻ chia và hơn hết, mình có một điểm tựa. Tình thương là điểm tựa cho bất kì ai trong chúng ta có thể dựa vào mỗi khi vấp ngã. Tình thương là động lực tinh thần giúp ta phấn chấn, tìm lại bản thân. Đối với tôi, tôi đã rất hạnh phúc khi được sinh ra trong vòng tay yêu thương của cha mẹ, được đón nhận sự yêu quý từ bạn bè, thầy cô. Bạn thử nghĩ mà xem, sẽ thật cô đơn biết bao nếu một ngày, bạn bị lãng quên? Bạn trở thành một người vô hình? Bạn mất kết nối với tất cả mọi người trong xã hội? Tôi có lẽ không dám tưởng tượng đến giây phút đó bởi nó thật đáng sợ!

Khi lớn hơn, bạn sẽ nhận ra, hạnh phúc không chỉ là được yêu thương mà hạnh phúc còn là được trao đi yêu thương. Và đó là niềm hạnh phúc vô giá. Tôi đã nhận ra điều này trong đợt dịch Covid 19 diễn ra vô cùng căng thẳng trên mảnh đất Việt Nam. Mỗi ngày đọc tin tức là một ngày tôi cảm thấy lo lắng và sợ hãi. Ngày hôm nay có bao nhiêu ca mắc? Ngày hôm nay có bao nhiêu ca tử vong? Ngày hôm nay có bao nhiêu đứa trẻ trở thành mồ côi? Những suy nghĩ ấy cứ ám ảnh trong tôi hằng ngày và chỉ được xoa dịu khi tôi thấy tinh thần cống hiến của những chiến binh áo trắng, của những anh chị thiện nguyện và của biết bao người dân Việt Nam. Với tinh thần “Không ai bị bỏ lại phía sau”, những lực lượng ở tuyến đầu chống dịch đã cố gắng hết mình, họ không chỉ cứu chữa bệnh nhân mà còn đem đến cho họ sức mạnh tinh thần chiến đấu mạnh mẽ. Đằng sau bộ đồ bảo hộ là những giọt mồ hôi nặng nề nhưng đằng sau lớp khẩu trang lại là một nụ cười hạnh phúc. Họ hạnh phúc vì họ vừa cứu được một mạng sống, hạnh phúc vì họ đã làm những việc vô cùng lớn lao, cao cả và ý nghĩa cho đất nước. Như vậy, hạnh phúc đẹp đẽ nhất chính là hạnh phúc cho đi!

Sau tất cả, tôi nhận ra tôi cũng đang hạnh phúc. Tôi đang được sống cuộc sống là chính tôi. Tôi đã vào được ngôi trường cấp 3 mơ ước, tôi đã có mục tiêu sống của bản thân. Tôi nhận được tình yêu của gia đình, bạn bè, thầy cô. Tôi đã biết trao đi yêu thương với những người xung quanh. Và tôi tự hỏi, liệu 5 năm, 10 năm, 20 năm nữa tôi của tương lai nếu đọc lại những dòng chữ này liệu có suy nghĩ lại không nhỉ? 5 năm nữa tôi đang học đại học, tôi nghĩ đó là trường đại học Sư phạm bởi tôi mong muốn trở thành một giáo viên. 10 năm nữa có lẽ tôi đã là một giáo viên thành công với những lớp học trò chăm ngoan học giỏi. 20 năm nữa chắc hẳn tôi đang hạnh phúc bên gia đình, thành tựu với công việc và hạnh phúc với những cống hiến của bản thân cho xã hội. Dù có đối mặt với hoàn cảnh ra sao, dù có khó khăn, vất vả thế nào, tôi hay bạn, chúng ta hãy cứ vững tin vào bản thân, hãy luôn hướng về phía trước, hãy cứ ước mơ, cứ khờ dại, hãy cứ yêu thương và trao đi yêu thương. Đó là hạnh phúc.

Tôi không biết bản thân trong tương lai có còn cảm thấy hạnh phúc như hiện tại hay không? Nhưng tôi biết, hạnh phúc luôn ở quanh ta và do chính ta tạo ra. Xin gửi bạn một câu nói mà tôi vô cùng tâm đắc: “Người tìm kiếm hạnh phúc, thành công trên cao mà quên mất nó đang hiện hữu ngay dưới chân mình”. Chúc bạn sẽ tìm được niềm hạnh phúc của bản thân!

Tiết 101,102 . Kiểm tra đánh giá cuối học kì 2

TIẾT 103. TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NLXH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLVH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.
- b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- c. Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã học
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra cuối kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.
- b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.
- c. Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học	1. Đọc hiểu

<p>tập -GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho</p> <p>HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLXH – viets bài luận về bản thân</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>2. Yêu cầu đối với bài văn NLXH- bài luận về bản thân</p>
---	---

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

- a. **Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. **Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:</p> <p>1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.</p> <p>2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài : * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm: chưa nêu hết được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.</p>

<p>học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> + Bài văn nêu còn sơ sài, thiếu phân lí luận <p>* Diễn đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề <p>3. Kết quả:</p> <p>4. Hướng dẫn chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. <p>III. Trả bài – Gọi điểm:</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn bài luận về bản thân?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

NÓI VÀ NGHE: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VÀ PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

I.MỤC TIÊU

1.Về kiến thức:

- HS hiểu được cấu trúc một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội
- HS hiểu được vai trò, tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong thuyết trình

2.Về kĩ năng

- HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề dưới hình thức thuyết trình
- HS biết sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lý, hiệu quả
- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh biện xoay xung quanh vấn đề thuyết trình

3.Về phẩm chất

- HS có ý thức tôn trọng trong thảo luận, tranh biện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các yếu tố của bài thuyết trình
- Hs nêu lên được hiệu quả của yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong bài thuyết trình được nghe

b. Nội dung

- Hs theo dõi 1 bài thuyết trình của một diễn giả (video:

<https://www.youtube.com/watch?v=VyGxue5QEUM-> Bệnh vô cảm)

c. Sản phẩm

- Viết cảm nhận, trao đổi thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hs xem video và thực hiện các yêu cầu của giáo viên

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video: Bệnh vô cảm trong xã hội của chúng ta

B3: Báo cáo thảo luận: Hs trao đổi về hiệu quả của các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng

B4: Kết luận, nhận định: Đề tặng tính thuyết phục của bài văn nghị luận cần sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như: Bảng, biểu đồ

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe

a. Mục tiêu:

- HS nêu được tiến trình, các thao tác triển khai một bài thuyết trình về vấn đề xã hội

b. Nội dung

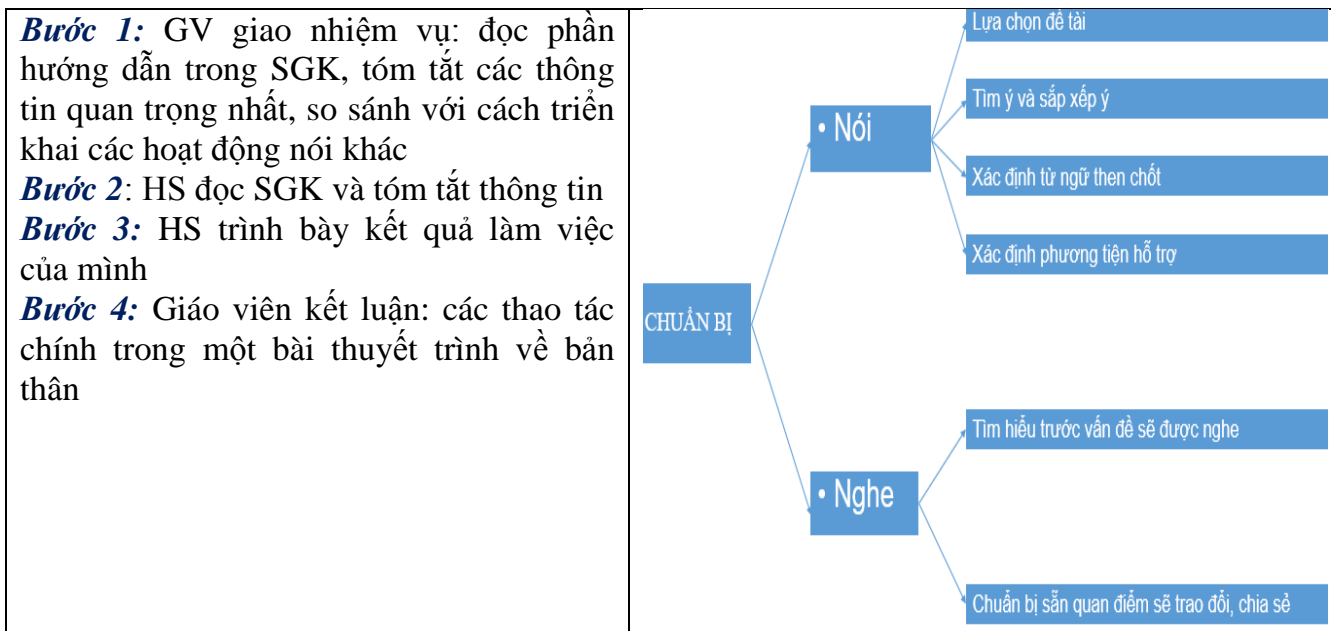
Tóm tắt những thao tác chính để triển khai một bài thuyết trình

c. Sản phẩm

Phiếu ghi chép

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV –HS	Dự kiến sản phẩm
------------------	------------------



Nội dung 2. Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu:

- HS áp dụng các kiến thức đã biết ở hoạt động trên vào xây dựng một bài thuyết trình

b. Nội dung

HS thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ

c. Sản phẩm

- Các sản phẩm thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV –HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình ATGT và giới trẻ trong xã hội ngày nay Ứng xử với các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống ở địa phương nơi bạn sinh sống</p> <p>Bước 2: HS làm việc nhóm, lựa chọn vấn đề thuyết trình, xây dựng bài thuyết trình theo các hướng dẫn đã học ở phần trên</p> <p>Bước 3: Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một vấn đề xã hội mà nhóm mình đã lựa chọn. Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 1.</p> <p>Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ</p>	<p>Thực hành nói: Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu – triển khai – kết luận Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ</p> <p>Thực hành nghe Theo dõi, lĩnh hội thông tin: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ Chuẩn bị ý kiến và quan điểm để trao đổi</p>

Nội dung 3. Trao đổi, thảo luận

a. Mục tiêu

- HS đánh giá được sản phẩm của người khác:
- Biết cách sử dụng có hiệu quả yếu tố phi ngôn ngữ trong thuyết trình

b. Nội dung

- Hs trao đổi thảo luận

c. Sản phẩm

- Phiếu đánh giá sản phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV –HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Đánh giá sản phẩm chéo nhóm theo phiếu đánh giá</p> <p>Bước 2: HS làm việc nhóm, đánh giá, cho điểm</p> <p>Bước 3: Nhận xét, trao đổi, thảo luận</p> <p>Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ</p>	Các Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng (sgk)

a. Mục tiêu

- Hs lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

b. Nội dung

- Viết tham luận tham gia hội thảo về định hướng nghề nghiệp

b. Sản phẩm

- Các văn bản tham luận

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: tổ chức một hội thảo về định hướng nghề nghiệp. GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

- Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông
- Các xu hướng nghề nghiệp của tương lai: những nghề triển vọng và những nghề có nguy cơ biến mất
- Những kỹ năng cần có để thích ứng với mọi nghề nghiệp
- Kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo có ảnh hưởng như thế nào đến xu thế nghề nghiệp

Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp, trong giờ hoạt động ngoại khóa hoặc trên môi trường kỹ thuật số

Bước 4: GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi hội thảo, lưu ý những kỹ năng quan trọng cần lưu ý.

Phụ lục:

1. Phiếu đánh giá sản phẩm

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn vấn đề có ý nghĩa, hứng thú, hấp dẫn		
2	Có đủ 3 phần: Mở đầu, triển khai, kết luận		
3	Thông tin và quan điểm về vấn đề được trình bày rõ ràng, sinh động		

4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hiệu quả: Kết hợp hài hòa và phù hợp với tính chất vấn đề cần trình bày		
5	Phong thái trình bày tự tin, có tương tác khi trình bày		
6	Có tinh thần cầu thị, cởi mở sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề trình bày		